TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 10/3/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Thiện và ông Khoàng Văn Hặc
- Thư ký phiên tòa: Ông Phìn Đại Quảng, là Thư ký viên chính Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 10 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T
Địa chỉ: Bản C, xã N, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt)
- Bị đơn: Anh Lò Văn T1
Địa chỉ: Bản C, xã N, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/9/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Lò Văn T1 chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến ngày 22/3/2012 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường hay cãi mắng, chửi nhau. Đến nay vợ chồng không còn tình cảm, không cùng nhau vun vén kinh tế và đã ly thân nhau. Chị T xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lò Thị H sinh ngày 14/9/2008. Chị T đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1 qua gửi bưu điện, niêm yết, đã triệu tập anh T1 đến Tòa án để giải quyết vụ việc

nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định.

Tại đơn xin xác nhận của chị Lò Thị T có xác nhận của UBND xã N thể hiện nội dung như trình bày trên của chị T. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc. Cháu Lò Thị H có đơn thể hiện nguyện vọng muốn được ở trực tiếp với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 06/10/2025 chị Lò Thị T nộp đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn T1; Địa chỉ: Bản C, xã N, tỉnh Điện. Chị T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị T lựa chọn Hòa giải và sau đó đề nghị chấm dứt hòa giải, chuyển vụ việc giải quyết theo trình tự, thủ tục tố tụng. Ngày 25/11/2025 chị T được chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh T1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 22/3/2012, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, hiện không quan tâm đến nhau, không cùng nhau vun vén kinh tế. Chính quyền địa phương cũng đã xác nhận tình trạng hôn nhân của hai anh chị. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng, người vợ dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với nhau. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết cho ly hôn giữa chị T với anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Lò Thị H sinh ngày 14/9/2008 chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu.

Hội đồng xét xử thấy rằng cháu H có đơn thể hiện nguyện vọng muốn được ở trực tiếp với chị T. Mặt khác Toà án triệu tập anh T1 đến Toà án để làm rõ quan điểm, nguyện vọng về việc nuôi con nhưng anh T1 không tới, cũng không có văn bản trình bày đề nghị gì. Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định anh T1 có nguyện vọng nuôi con hay không. Do vậy, để đảm bảo cho cháu H được chăm sóc, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất của các cháu Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ các quy định tại điều 58, điều 69, khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị T, giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về Án phí:

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho chị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án do chị T là người dân tộc thiểu số cư trú tại nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T, cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Thị H sinh ngày 14/9/2008 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 – Điện Biên;
- UBND xã Na Sang;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc